

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **8419** /PA-UBND

Đắk Lắk, ngày **10** tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

Sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Phương án của 102 UBND xã, phường về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở tham mưu, đề xuất của Sở Nội vụ (tại Tờ trình số 612/TTr-SNV ngày 10/6/2026), UBND tỉnh ban hành Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố (*gọi tắt là thôn, tổ dân phố*) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, với những nội dung sau:

I. CĂN CỨ BAN HÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Công văn số 5170/BNV-CQĐP ngày 27/5/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 360/NQ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 288-KL/TU ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Rà soát, sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình, điều kiện quản lý, đặc điểm địa lý, dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Tinh gọn đầu mối tổ chức ở cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; góp phần giảm chi ngân sách nhà nước và sử dụng hiệu quả nguồn lực tại cơ sở.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo thuận lợi trong công tác quản lý dân cư, quản lý địa bàn, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và tổ chức các phong trào tại cộng đồng dân cư.

Góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Bảo đảm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, sự đoàn kết cộng đồng dân cư; xem xét các yếu tố đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Làm cơ sở để các địa phương xây dựng phương án, Đề án cụ thể, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, hoàn thiện hồ sơ và triển khai thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và triển khai phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố phải bảo đảm đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

Việc sắp xếp phải bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, minh bạch; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư.

Bảo đảm thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và sinh hoạt của Nhân dân sau sắp xếp; không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Quan tâm xem xét các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, phong tục tập quán, điều kiện địa lý, giao thông đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố phải gắn với kiện toàn tổ chức, bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cộng đồng dân cư phù hợp, đúng quy định; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các trường hợp chịu tác động do sắp xếp.

Quá trình triển khai thực hiện phải bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

III. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Việc sắp xếp, tổ chức thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống; điều kiện đặc thù của từng đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố khi chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

4. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; bảo đảm tên gọi rõ ràng, phù hợp với yếu tố lịch sử, văn hóa, truyền thống và điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời không được trùng tên trong phạm vi đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

IV. THỰC TRẠNG, PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Thực trạng các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích hơn 18.000 km², dân số trên 3,3 triệu người; có 45 dân tộc cùng sinh sống; có 102 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 88 xã và 14 phường), có 2.801 thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố (1.781 thôn, 598 buôn, 276 tổ dân phố, 146 khu phố). Có vị trí địa lý giáp với các tỉnh Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Vương quốc Campuchia và Biển Đông, giữ vai trò cầu nối quan trọng giữa Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, có tiềm năng phát triển kết hợp hài hòa giữa vùng núi và vùng biển, giữa công nghiệp hóa với bảo tồn bản sắc văn hóa - thiên nhiên.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, quy định: “*Quy mô hộ gia đình ở vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây nguyên: Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên*”, theo đó, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

- Có 769 thôn, tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo quy định không thực hiện sắp xếp.

- Có 1.935 thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình phải thực hiện sắp xếp.

- Có 97 thôn, tổ dân phố có các yếu tố đặc thù không thực hiện sắp xếp¹.

2. Thực trạng số lượng người hoạt động không chuyên trách và người hỗ trợ làm việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (trước đây) quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên². Theo đó, tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách³ và người hỗ trợ làm việc trực tiếp⁴ ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh là: 28.278 người, gồm:

- 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách: 7.534 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 2.691 người, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: 2.221 người; Trưởng ban công tác Mặt trận: 2.622 người;

- Các chức danh người hỗ trợ làm việc trực tiếp: 20.744 người, cụ thể: Phó Bí thư: 1.750 người; Phó Trưởng thôn, Tổ dân phố: 733 người, Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận: 1.805 người, Bí thư Đoàn thanh niên: 2.612 người, Chi hội trưởng Hội Phụ nữ: 2.588 người, Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh: 2.582 người, Chi hội trưởng Hội Nông dân: 2.471 người; Chi ủy viên đối với 34 xã, phường phía đông: 813 người, người cốt cán đối với 34 xã, phường phía đông:

¹ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ: địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân tán, địa bàn biên giới, an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, giải phóng mặt bằng di dân, tái định cư.

² Được hướng dẫn thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp tại Công văn số 01547/UBND-NV ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh về thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố (khu phố), người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, tổ dân phố (khu phố)

³ 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng ban công tác Mặt trận.

⁴ Các chức danh người hỗ trợ làm việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố do HĐND tỉnh quy định gồm: Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố; Phó Bí thư chi bộ; Phó trưởng ban Công tác Mặt trận; Chi hội trưởng Hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chi ủy viên; Người cốt cán và Tổ trưởng lực lượng An ninh trật tự, Tổ trưởng lực lượng dân quân tự vệ.

212 người; Tổ Trưởng lực lượng ANTT: 2.554 người và Tổ trưởng Dân quân tự vệ: 2.624 người.

3. Tổng thể phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố của các xã, phường trên địa bàn tỉnh

(kèm theo phụ lục phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố của các xã, phường trên địa bàn tỉnh)

4. Kết quả thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố của các xã, phường trên địa bàn tỉnh

a) Về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Dự kiến, sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, tỉnh Đắk Lắk từ 2.801 thôn, tổ dân phố, còn 1.556 thôn, tổ dân phố, giảm 1.245 thôn, tổ dân phố.

b) Về số lượng người hoạt động không chuyên trách và người hỗ trợ làm việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

Dự kiến, sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách và người hỗ trợ làm việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh từ 28.278 người, còn 18.563 người, giảm 9.715 người.

(Biểu Phụ lục chi tiết kèm theo).

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Tác động tích cực

Việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố góp phần tinh gọn đầu mối tổ chức ở cộng đồng dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại cơ sở. Tạo thuận lợi trong việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý dân cư, quản lý địa bàn. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền địa phương với thôn, tổ dân phố trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Giảm số lượng thôn, tổ dân phố có quy mô nhỏ, hoạt động phân tán; khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tạo điều kiện sắp xếp, bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; nâng cao chất lượng hoạt động ở cộng đồng dân cư. Góp phần giảm chi ngân sách nhà nước đối với các khoản phụ cấp, hỗ trợ hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và triển khai các phong trào tại khu dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và chuyển đổi số tại cơ sở.

2. Những khó khăn, thách thức

Thực hiện sắp xếp, tổ chức thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình một cách rập khuôn, máy móc và không tính đến các yếu tố địa lý, tự nhiên, văn hóa, phong tục, tập quán... thì sẽ tác động tiêu cực đến công tác quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

Việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức các thôn, tổ dân phố sẽ tác động đến yếu tố kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự ở cơ sở... Khi triển khai sắp xếp, tổ chức các thôn, tổ dân phố sẽ không tránh khỏi việc xáo trộn, khó khăn bước đầu trong tổ chức hoạt động tự quản ở cơ sở; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân cần tiến hành chuyển đổi các giấy tờ có liên quan.

Công tác sắp xếp, tổ chức sẽ giảm số lượng thôn, tổ dân phố. Vì vậy, sẽ phải tiến hành bố trí, sắp xếp lại những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước. Đây là công việc phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư, tình cảm; nhất là những trường hợp dôi dư nhưng không thể bố trí, sắp xếp được. Do đó, cần nghiên cứu có cơ chế, chính sách phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn triển khai thực hiện.

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức không tránh khỏi tình trạng người dân gặp khó khăn trong việc giải quyết các thủ tục hành chính như: chuyển đổi các giấy tờ, căn cước công dân, giấy khai sinh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo hiểm y tế,...

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền; tổ chức quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia, ủng hộ việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

b) Rà soát, đánh giá hiện trạng thôn, tổ dân phố

Tổ chức rà soát toàn diện hiện trạng thôn, tổ dân phố trên địa bàn về quy mô hộ gia đình, diện tích tự nhiên, điều kiện địa lý, đặc điểm dân cư, hạ tầng và các tiêu chí theo quy định. Đánh giá cụ thể các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, phong tục tập quán, quốc phòng, an ninh và mức độ liên kết cộng đồng dân cư để làm cơ sở xây dựng phương án phù hợp. Tổng hợp, phân loại các thôn, tổ dân phố thuộc diện phải sắp xếp, tổ chức lại; các trường hợp đặc thù đề xuất giữ nguyên theo quy định.

c) Xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Xây dựng phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới. Việc sắp xếp phải bảo đảm tính ổn định, kế thừa, phù hợp thực tiễn; thuận lợi cho sinh hoạt cộng đồng, quản lý dân cư và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Đối với các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực có điều kiện địa lý khó khăn hoặc có yếu tố đặc thù thì nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp theo quy định.

d) Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và hoàn thiện hồ sơ

Tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đối với phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Tổng hợp ý kiến Nhân dân; tiếp thu, giải trình đầy đủ các nội dung liên quan trước khi hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thực hiện công khai, minh bạch toàn bộ quá trình xây dựng và triển khai phương án.

e) Bố trí, kiện toàn tổ chức và thực hiện chế độ, chính sách

Rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sau sắp xếp.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với các trường hợp chịu tác động do sắp xếp theo quy định của pháp luật.

Kiện toàn tổ chức, phân công nhiệm vụ, ổn định hoạt động của hệ thống chính trị ở cộng đồng dân cư sau khi thực hiện sắp xếp.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu hành chính và các thông tin liên quan bảo đảm thống nhất, đồng bộ sau sắp xếp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý địa bàn, quản lý dân cư và giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

h) Kiểm tra, giám sát và xử lý vướng mắc phát sinh

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các địa phương; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời đề xuất điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; tổng hợp kết quả thực hiện của các địa phương; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Căn cứ các nội dung tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ tham mưu UBND tỉnh Quyết định Quy chế tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo trình tự, thẩm quyền quy định.

b) Sở Tài chính

Đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước khoán quỹ phụ cấp để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định liên quan đến việc sử dụng, quản lý kinh phí, thực hiện quy định của pháp luật về ngân sách.

c) Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo lực lượng công an cấp xã, Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã chủ động nắm tình hình địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự trong quá trình sắp xếp thôn, tổ dân phố; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

d) Các Sở, ban, ngành

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; rà soát, cập nhật dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

e) Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, thống nhất thực hiện.

g) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp, tổ chức thôn, tổ dân phố; thường xuyên bám dân, bám địa bàn và chủ động giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến sắp xếp, tổ chức thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quy định.

Vận động, theo dõi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân tại các thôn, tổ dân phố và quan tâm chỉ đạo giải quyết những kiến nghị đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

h) UBND các xã, phường

Tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố. Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố.

Căn cứ tiêu chí, nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan, xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố của địa phương.

Đối với một số thôn, tổ dân phố **chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình, có các yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp** theo Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị UBND các xã, phường làm rõ, giải trình cụ thể, báo cáo cấp thẩm quyền (HĐND cấp xã) xem xét, quyết định sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn, đảm bảo triển khai thực hiện đúng Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân để hoàn thiện hồ sơ trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định **hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026**; đồng thời báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; bảo đảm hoàn thành đồng bộ với thời gian hoàn thành sắp xếp thôn, buôn, tổ dân phố, **trước ngày 30/6/2026**. Phương án bố trí, sử dụng phải gắn với yêu cầu cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TTg, theo hướng:

- Trên cơ sở biên chế được giao năm 2026, lựa chọn, tiếp tục tiếp nhận vào làm công chức, viên chức cấp xã đối với các trường hợp có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

- Thực hiện chế độ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức, viên chức đối với các vị trí cần thiết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự bố trí theo quy định và phân cấp quản lý. Định hướng ưu tiên lựa chọn, giới thiệu những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn (*Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Trung học phổ thông, ...*) phù hợp với từng thôn, tổ dân phố, có am hiểu về tình hình đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, để bố trí, sắp xếp phù hợp. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu

nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Kịp thời giải quyết đầy đủ chế độ, chính sách đối với các trường hợp không được tiếp tục bố trí, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần quan tâm rà soát, xây dựng phương án quản lý, bố trí và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nhà văn hóa, các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng hiện có; bảo đảm khai thác tối đa công năng, tránh lãng phí nguồn lực đã đầu tư. Việc sắp xếp, sử dụng cơ sở vật chất phải gắn với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp của Nhân dân, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong Nhân dân, góp phần ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.

Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện trên địa bàn cấp xã theo quy định.

*** Lưu ý:** Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý, không để phát sinh phức tạp ở cơ sở; phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, đặc biệt là tại địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh thì đề nghị các cơ quan, địa phương báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./. *bm*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV (V-10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Mỹ

PHỤ LỤC I: DỰ KIẾN TỔNG THỂ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
1	Phường Tuy Hòa	59	37.746	42	17	0	14	45		719	-134	585
2	Phường Bình Kiến	23	12.858	15	8	0	7	16		230	-23	207
3	Phường Xuân Đài	11	5.692	5	6	0	5	6		104	-20	84
4	Phường Sông Cầu	18	11.066	13	2	3	2	16	Tổ dân phố: Long Phước Đông (422 hộ), Long Hải (439 hộ), Long Bình (415 hộ) có vị trí bao bọc bởi sông, diện tích rộng, địa hình chia cắt, có các công trình, dự án đầu tư đô thị hóa, tái định cư	184	1	185
5	Xã Sơn Thành	20	7.418	10	10	0	7	13		231	-48	183
6	Xã Tây Hòa	21	14.853	21	0	0	0	21		259	0	259
7	Xã Phú Hòa 2	15	10.702	15	0	0	0	15	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	210	0	210
8	Xã Phú Hòa 1	18	15.128	16	1	1	2	16	Buôn Hồ Hầm (147 hộ), 100% đồng bào DTTS, có phong tục, tập quán riêng biệt	179	-9	170

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
9	Xã Tuy An Nam	14	8.912	9	5	0	4	10		153	-30	123
10	Xã Tây Sơn	20	2.340	1	19	0	13	7		254	-130	124
11	Xã Vân Hòa	11	2.077	1	8	3	4	7	Thôn Hòa Ngãi (131 hộ), Hòa Bình (222 hộ), Xuân Sơn (124 hộ) có vị trí địa lý bị chia cắt, DTTS, khoảng cách với các thôn liền kề xa	105	-16	89
12	Xã Xuân Phước	8	4.623	7	0	1	0	8	Thôn Suối Mây (133 hộ) đặc biệt khó khăn, vị trí địa lý chia cắt, DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	88	0	88
13	Xã Tuy An Tây	16	4.046	6	10	0	7	9		208	-91	117
14	Xã Tuy An Bắc	20	8.223	11	9	0	7	13		254	-62	192
15	Xã Ô Loan	25	12.023	15	10	0	9	16		199	-7	192
16	Xã Tuy An Đông	14	11.924	12	2	0	2	12		150	-18	132
17	Xã Xuân Thọ	11	3.005	4	5	2	3	8	Thôn Phương Lưu (280 hộ), Mỹ Lương (208 hộ) có diện tích lớn, địa hình chia cắt	111	-7	104

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
18	Xã Xuân Lộc	12	7.519	12	0	0	0	12	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	167	49	216
19	Xã Đồng Xuân	20	8.011	11	6	3	3	17	Thôn Kỳ Du (115 hộ), Long Hòa (156 hộ) (, Long Thạch (222 hộ) có đông đồng bào DTTS, địa hình chia cắt bởi sông Cô, biệt lập, địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông khó khăn	232	-8	224
20	Xã Xuân Lãnh	13	3.255	4	9	0	4	9		162	-49	113
21	Xã Phú Mỹ	10	2.600	3	1	6	1	9	Thôn Phú Đồng (82 hộ), Phú Hải (78 hộ), Phú Tâm (210 hộ), Phú Tiến (294 hộ), Phú Giang (275 hộ), Phú Lợi (128 hộ) bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, khoảng cách giữa các thôn xa, có đông DTTS, khác biệt về phong tục tập quán	100	26	126
22	Xã Xuân Cảnh	11	6.610	10	1	0	1	10		134	-11	123
23	Xã Sơn Hòa	27	11.744	15	12	0	13	14		323	-136	187

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
24	Xã Suối Trai	15	2.694	0	14	1	8	7	Thôn Hoàn Thành (146 hộ) có vị trí biệt lập, khoảng cách xa với các thôn lân cận	174	-76	98
25	Xã Sông Hinh	33	6.263	4	29	0	21	12		350	-182	168
26	Xã Đức Bình	19	4.166	5	14	0	11	8		201	-99	102
27	Xã Ea Bá	11	2.055	1	8	2	5	6	Buôn Chung (286 hộ) và buôn Bá (282 hộ) có người dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời từ trước năm 1975 có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt riêng biệt; khoảng cách với các thôn liền kề xa	119	-42	77
28	Xã Ea Ly	12	3.188	5	7	0	5	7		156	-65	91
29	Phường Phú Yên	23	18.078	23	0	0	0	23		286	-4	282
30	Phường Đông Hòa	16	13.498	16	0	0	1	15		216	9	225
31	Phường Hòa Hiệp	14	14.616	14	0	0	0	14	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	185	0	185
32	Xã Hòa Thịnh	17	8.601	16	1	0	1	16		223	-12	211

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
33	Xã Hòa Mỹ	13	7.770	11	2	0	3	10		155	-35	120
34	Xã Hòa Xuân	13	6.308	11	2	0	4	9		169	-52	117
35	Xã Cư Yang	27	3.776	0	27	0	17	10		265	-155	110
36	Xã M'Drắk	32	5.736	2	29	1	16	16	Buôn Kcuah Ea H'Mlai (208 hộ) có đồng DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	280	-90	190
37	Xã Cư Prao	20	3.597	0	20	0	12	8		175	-79	96
38	Xã Ea Riêng	24	3.886	1	22	1	12	12	Thôn 20 (213 hộ) có địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, địa bàn rộng, dân cư phân tán, đồng bào DTTS	217	-73	144
39	Xã Cư M'ta	16	2.987	0	14	2	7	9	Thôn 7 (255 hộ) và Thôn 9 (263 hộ) bị chia cắt bởi đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân tán, không tập trung; 100% là người DTTS, khác biệt về phong tục tập quán	169	-61	108

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
40	Xã Krông Á	16	2.698	1	14	1	7	9	Thôn 4A (145 hộ) có vị trí địa lý, địa hình chia cắt, khoảng cách xa với các thôn liền kề, DTTS, phong tục tập quán riêng	164	-56	108
41	Xã Ea Trang	10	1.668	0	8	2	5	5	Buôn Ea Bra (123 hộ), thôn Ea Boa (122 hộ) có vị trí địa lý, địa hình biệt lập, DTTS, phong tục tập quán riêng biệt, xa với các thôn liền kề	86	-41	45
42	Xã Ea Kar	98	21.264	17	81	0	62	36		882	-558	324
43	Xã Ea Knốp	45	8.284	5	40	0	23	22		443	-179	264
44	Xã Ea Păl	21	3.517	2	19	0	14	7		161	-77	84
45	Xã Ea Ô	30	5.522	4	26	0	17	13		296	-140	156
46	Xã Ea Drông	32	5.014	1	31	0	16	16		256	-112	144
47	Xã Tam Giang	34	5.768	0	33	1	18	16	Buôn Trấp (97 hộ) là buôn đồng bào DTTS, vùng sâu vùng xa, đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn	321	-129	192

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
48	Xã Phú Xuân	46	7.598	0	46	0	28	18		476	-260	216
49	Phường Thành Nhất	24	12.719	16	8	0	5	19		277	-49	228
50	Phường Ea Kao	25	13.558	18	7	0	7	18		252	-71	181
51	Xã Krông Ana	26	10.884	21	5	0	4	22		242	22	264
52	Xã Liên Sơn Lắc	31	6.364	4	27	0	16	15		276	-96	180
53	Xã Đăk Liêng	38	5.885	1	37	0	20	18		413	-162	251
54	Xã Đăk Phoi	19	3.364	0	18	1	10	9	Buôn Đăk Sar (161 hộ) có địa bàn vùng sâu, vùng xa; diện tích rộng, dân cư không tập trung; khoảng cách từ buôn đến trung tâm xã xa	192	-84	108
55	Xã Krông Nô	13	2.471	0	13	0	6	7		147	-63	84

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
56	Xã Nam Ka	8	1.547	0	7	1	3	5	Buôn Lách Ló (60 hộ) có vị trí địa lý biệt lập, DTTS, buôn cách mạng, lịch sử, văn hóa riêng biệt, khoảng cách với thôn liền kề xa	79	-24	55
57	Xã Krông Bông	30	5.281	1	28	1	17	13	Thôn 27 (249 hộ) đặc thù về vị trí địa lý, địa hình phức tạp, biệt lập, giao thông không thuận lợi	257	-127	130
58	Xã Dang Kang	28	4.711	1	27	0	15	13		270	-140	130
59	Xã Hòa Sơn	31	5.587	3	23	5	14	17	Buôn: Cuah (274 hộ), Yang Reh (233 hộ), Plum (205 hộ), Băng Kung (217 hộ), Ja (160 hộ) có đông đồng bào DTTS, phong tục tập quán riêng biệt, địa bàn rộng, dân cư phân tán	342	-122	220
60	Xã Cư Pui	25	5.255	3	17	5	9	16	Buôn Tliêr (193 hộ), Cư Phiăgh (145 hộ), Thôn Ea Khiêm (283 hộ), Cư Tê (232 hộ), Ea Rốt (194 hộ) có địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, biệt lập, DTTS tại chỗ, không gian văn hóa, phong tục tập quán đặc thù	206	-14	192

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
61	Xã Yang Mao	19	3.484	0	16	3	10	9	Buôn Cư Drăm (282 hộ), Tong Rang B (221 hộ), Cư Dhiăt (257 hộ) địa bàn rộng, dân cư phân tán, biệt lập, DTTS, phong tục tập quán riêng	186	-91	95
62	Xã Ea Kly	48	8.581	4	44	0	28	20		522	-282	240
63	Xã Ea Phê	53	10.102	1	50	1	32	21		565	-313	252
64	Xã Tân Tiến	25	5.961	7	18	1	11	14	Buôn Cư Drang (191 hộ) có địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn	267	-110	157
65	Xã Vụ Bồn	19	3.846	1	17	1	9	10	Thôn Thanh Thủy (90 hộ) được hình thành trên cơ sở tái định cư lòng hồ đập Krông Búk hạ có đường giao thông đi lại khó khăn, vị trí độc lập, khoảng cách với các thôn liền kề xa, đồng đồng bào DTTS	202	-82	120
66	Xã Dray Bhang	24	8.335	14	10	0	10	14		270	-102	168
67	Xã Ea Ning	32	7.442	6	26	0	15	17		345	-158	187

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
68	Xã Ea Na	33	9.235	16	17	0	17	16		291	-99	192
69	Xã Dur Kmăl	13	2.742	2	6	5	3	10	Buôn Krông (94 hộ), Cuê (259 hộ), Krang (246 hộ), Kmăl (245 hộ) và thôn Sơn Thọ (227 hộ) có vị trí biệt lập, DTTS, dân cư phân tán, phong tục tập quán riêng biệt	110	10	120
70	Xã Hòa Phú	43	11.314	15	28	0	24	19		391	-182	209
71	Phường Buôn Hồ	46	13.794	7	38	1	21	25	Buôn Kli A (280 hộ) có 100% là người DTTS Êđê có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng, lịch sử hình thành lâu đời, có định hướng bảo tồn văn hóa, giá trị truyền thống	395	-120	275
72	Phường Cư Bao	45	8.276	2	43	0	28	17		365	-212	153
73	Xã Krông Pắc	58	14.597	15	43	0	37	21		484	-232	252
74	Xã Ea Kruéc	46	9.186	7	39	0	22	24		501	-233	268
75	Xã Cuôr Đăng	19	6.525	7	12	0	4	15		171	9	180
76	Xã Cư M'gar	26	7.463	9	16	1	10	16	Buôn Bling A (211 hộ) nằm biệt lập, có đông đồng bào DTTS	289	-99	190

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
77	Xã Ea Tul	35	7.696	6	27	1	18	17	Buôn Hding (245 hộ) có đồng bào DTTS, dân cư phân tán, cách xa các thôn liền	390	-181	209
78	Xã Ea Kiết	24	4.530	5	18	1	14	10	Buôn Hmông (82 hộ) đặc thù, vị trí địa lý biệt lập, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách với thôn liền kề xa	208	-88	120
79	Xã Krông Búk	39	7.115	2	37	0	23	16		333	-189	144
80	Xã Cư Pong	24	4.015	0	24	0	14	10		202	-82	120
81	Xã Pong Drang	34	6.792	4	30	0	22	12		283	-139	144
82	Xã Krông Năng	40	9.979	10	30	0	24	16		433	-257	176
83	Xã Dliê Ya	57	9.889	3	54	0	33	24		539	-251	288
84	Xã Ea Drăng	46	11.920	17	29	0	20	26		506	-220	286
85	Xã Ea H'Leo	15	3.923	4	9	2	3	12	Thôn 1 (229 hộ) và buôn Dang (285 hộ) có vị trí địa lý biệt lập, DTTS, bảo vệ an ninh quốc phòng	172	-28	144

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
86	Xã Ea Hiao	40	6.966	1	37	2	23	17	Buôn Chấm (207 hộ) và Buôn Hoai (289 hộ) có vị trí biệt lập, khoảng cách xa so với các thôn khác, địa hình bị chia cắt bởi núi đồi	326	-173	153
87	Xã Ea Khăl	39	7.149	4	35	0	21	18		426	-228	198
88	Phường Tân Lập	33	18.154	23	10	0	6	27		377	-53	324
89	Phường Buôn Ma Thuột	89	40.533	38	51	0	34	55		818	-158	660
90	Phường Tân An	32	15.063	17	15	0	10	22		360	-96	264
91	Xã Ea Wý	36	6.960	1	34	1	19	17	Buôn Tơ Yoa (289 hộ) có DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	309	-105	204
92	Xã Ea Súp	46	7.358	1	45	0	26	20		368	-128	240
93	Xã Ia Lốp	12	1.914	0	0	12	0	12	Thuộc xã biên giới, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn	144	0	144

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
94	Xã Ea Rók	35	6.319	1	33	1	17	18	Buôn Ba Na (134 hộ) có đồng DTTS, vị trí biệt lập, giao thông đi lại khó khăn	256	-58	198
95	Xã Ia Rvê	12	2.053	0		12	0	12	Thuộc xã biên giới, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn	142	2	144
96	Xã Ea Bung	12	2.519	2	10	0	6	6		94	-22	72
97	Xã Buôn Đôn	8	1.765	1	0	7	0	8	Đặc thù là xã biên giới, bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia, diện tích rộng	88	0	88
98	Xã Ea Wer	33	7.361	5	28	0	15	18		322	-106	216
99	Xã Ea Nuôi	46	9.594	4	41	1	21	25	Buôn Ko Đung B (248 hộ) diện tích lớn, vị trí địa lý không thuận lợi (sông Sê Rê Pôk), giao thông đi lại khó khăn	502	-226	276
100	Xã Quảng Phú	37	13.085	23	14	0	10	27		367	-43	324

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
101	Xã Ea M'Droh	30	7.558	9	21	0	13	17		325	-121	204
102	Xã Ea Ktur	46	11.935	10	35	1	25	21	Thôn 11A (222 hộ) nằm biệt lập, địa hình bị chia cắt, xa thôn liền kề	500	-248	252
TỔNG CỘNG		2.801	821.581	769	1.935	97	1.245	1.556		28.278	-9.715	18.563

**PHỤ LỤC II: HIỆN TRẠNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI HỖ TRỢ LÀM VIỆC TRỰC TIẾP
Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
1	Phường Hoà Hiệp	185	14	0	14	13	12	0	14	14	14	14	48	0	14	14	
2	Xã Ea Ning	345	32	24	30	32	3	32	32	32	32	32	0	0	32	32	
3	Xã Phú Hòa 2	210	15	6	11	14	15	15	15	15	15	15	44	0	15	15	
4	Xã Ia Lốp	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
5	Xã Cư Yang	265	26	20	26	18	0	23	27	26	24	23	0	0	25	27	
6	Xã Phú Hoà 1	179	18	13	17	9	14	0	16	17	16	17	8	1	16	17	
7	Xã Ea Ly	156	12	12	12	12	12	0	12	12	12	12	12	12	12	12	
8	Xã Ea Wer	322	33	30	31	32	0	31	32	23	27	27	0	0	29	27	
9	Xã Sơn Hoà	323	27	6	27	19	20	27	27	26	26	27	28	9	27	27	
10	Xã Đắk Phơi	192	20	19	20	11	0	18	20	17	18	20	0	0	9	20	
11	Xã Krông Pắc	484	58	51	54	20	2	28	49	53	43	33	0	0	47	46	
12	Xã Hòa Mỹ	155	13	13	13	13	13	0	13	13	12	13	13	0	13	13	
13	Xã Tân Tiến	267	21	25	25	22	3	25	24	25	23	25	0	0	24	25	
14	Xã Hòa Thịnh	223	17	5	14	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	
15	Xã Quảng Phú	367	36	34	37	21	10	36	35	32	32	31	0	0	30	33	
16	Xã Cư M'ta	169	13	16	16	12	0	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
17	Xã Suối Trai	174	15	2	14	11	0	15	15	15	15	15	15	14	13	15	
18	Phường Tân Lập	377	29	33	33	27	25	32	33	33	33	33	0	0	33	33	
19	Xã Ea Súp	368	46	26	44	17	0	16	38	33	32	24	0	0	46	46	
20	Xã Ea Hiao	326	34	39	40	6	0	14	24	35	35	29	0	0	34	36	
21	Xã Ea Knốp	443	44	41	43	45	0	0	45	45	45	45	0	0	45	45	
22	Xã Xuân Cảnh	134	11	11	11	11	5	0	11	11	11	11	19	0	11	11	
23	Xã Ea Drông	256	30	31	30	12	0	25	24	18	24	19	0	0	24	19	
24	Xã Ea Bá	119	11	4	7	0	11	0	11	11	11	11	11	9	11	11	
25	Xã Vụ Bồn	202	19	15	18	16	1	19	19	19	19	19	0	0	19	19	
26	Xã Tam Giang	321	28	30	32	17	0	34	31	31	31	26	0	0	27	34	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
27	Xã Cư Pơng	202	20	21	21	9	0	16	18	18	19	20	0	0	20	20
28	Xã Ea Phê	565	53	53	53	44	0	46	53	53	51	53	0	0	53	53
29	Xã Sơn Thành	231	20	1	20	19	13	0	19	20	20	20	38	1	20	20
30	Xã Ô Loan	199	25	14	12	0	0	0	23	25	25	25	0	0	25	25
31	Xã Đồng Xuân	232	20	10	14	20	17	0	19	20	20	20	32	0	20	20
32	Xã Tuy An Bắc	254	20	6	14	19	19	20	20	20	20	20	36	0	20	20
33	Xã Tuy An Tây	208	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	16	16
34	Xã Tây Hòa	259	21	1	15	10	18	2	17	18	18	16	52	0	21	50
35	Phường Buôn Hồ	395	41	46	45	9	0	44	41	38	42	22	0	0	29	38
36	Phường Cư Bao	365	45	33	45	22	0	0	43	36	43	37	0	0	24	37
37	Xã Ea Tul	390	33	35	35	35	4	35	33	35	35	35	0	5	35	35
38	Xã Phú Xuân	476	46	37	38	33	0	46	46	46	46	46	0	0	46	46
39	Xã Krông Ana	242	26	26	25	15	10	22	24	16	23	16	0	0	13	26
40	Xã Dray Bhang	270	24	24	24	24	7	23	24	24	24	24	0	0	24	24
41	Xã Ea Ô	296	29	27	23	6	1	30	30	30	30	30	0	0	30	30
42	Xã Diê Ya	539	53	49	51	24	4	49	50	53	54	50	0	0	55	47
43	Xã Tây Sơn	254	20	5	20	20	19	0	20	20	20	20	32	18	20	20
44	Xã Cư Pui	206	20	22	25	5	0	24	21	23	19	18	0	0	18	11
45	Xã Xuân Thọ	111	11	0	11	8	7	0	11	11	10	11	9	0	11	11
46	Xã Buôn Đôn	88	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	0	0	8	8
47	Xã Hòa Sơn	342	31	31	31	31	1	31	31	31	31	31	0	0	31	31
48	Phường Thành Nhả	277	24	23	22	24	16	24	24	24	24	24	0	0	24	24
49	Xã Krông Bông	257	30	29	30	11	0	0	29	22	28	18	0	0	30	30
50	Xã Ea Khăl	426	37	39	39	38	0	39	39	39	39	39	0	0	39	39
51	Xã Tuy An Nam	153	14	3	13	13	13	0	13	14	13	14	16	0	14	13
52	Phường Tân An	360	32	29	28	26	21	32	32	32	32	32	0	0	32	32
53	Xã Ea Riêng	217	23	23	22	14	0	18	24	20	19	18	0	0	20	16
54	Xã Yang Mao	186	19	19	19	17	0	0	19	17	19	19	0	0	19	19
55	Xã Liên Sơn Lắc	276	31	31	31	2	2	27	28	27	24	26	0	0	24	23
56	Xã Ea Knuéc	501	41	46	46	45	1	46	46	46	46	46	0	0	46	46
57	Xã Ea Trang	86	10	6	10	0	0	0	10	10	10	10	0	0	10	10

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
58	Phường Sông Cầu	184	18	2	16	13	12	4	17	18	18	18	13	0	17	18
59	Xã Ia Rvê	142	12	11	12	12	12	12	12	12	12	11	0	0	12	12
60	Xã Sông Hinh	350	32	6	27	13	29	10	30	28	27	28	32	32	31	25
61	Xã Tuy An Đông	150	14	1	13	14	12	0	12	14	14	14	15	0	13	14
62	Xã Ea Na	291	33	32	31	8	8	25	31	31	27	23	0	0	19	23
63	Xã Krông Á	164	16	14	16	9	0	16	16	16	13	16	0	0	16	16
64	Xã Ea Păl	161	20	16	19	10	0	5	20	19	17	14	0	0	13	8
65	Xã Hòa Phú	391	42	37	41	23	4	24	39	40	34	39	0	0	27	41
66	Xã Ea Nuôi	502	46	46	46	43	1	46	45	46	45	46	0	0	46	46
67	Xã Phú Mỹ	100	10	4	8	5	9	0	10	10	10	10	3	8	7	6
68	Xã Ea Kiết	208	24	24	24	8	0	22	15	12	15	16	0	0	24	24
69	Phường Phú Yên	286	23	1	22	22	22	0	23	23	23	23	58	0	23	23
70	Phường Xuân Đài	104	11	1	8	4	9	0	11	11	11	11	5	0	11	11
71	Xã Xuân Lãnh	162	13	13	13	13	13	0	13	13	13	13	13	6	13	13
72	Xã Ea Bung	94	11	11	9	5	0	0	11	7	8	8	0	0	12	12
73	Xã Cuôr Đăng	171	19	17	18	5	4	16	15	13	14	15	0	0	16	19
74	Xã Ea Drăng	506	45	46	46	43	4	46	46	46	46	46	0	0	46	46
75	Xã Nam Ka	79	8	8	8	7	0	0	8	8	8	8	0	0	8	8
76	Xã Krông Năng	433	37	40	40	37	0	40	40	40	40	40	0	0	39	40
77	Xã Đức Bình	201	19	2	19	0	19	0	19	19	19	19	19	9	19	19
78	Xã M'Drăk	280	31	28	29	0	0	0	32	32	32	32	0	0	32	32
79	Xã Ea Ktur	500	46	46	46	42	0	46	46	46	44	46	0	0	46	46
80	Xã Ea Kly	522	48	48	48	41	1	48	48	48	48	48	0	0	48	48
81	Xã Cư Pao	175	20	20	20	6	0	6	19	19	15	18	0	0	14	18
82	Xã Dư Kmăl	110	13	12	8	5	0	12	11	11	6	8	0	0	11	13
83	Xã Dang Kang	270	28	27	27	20	0	0	28	28	28	28	0	0	28	28
84	Xã Pong Drang	283	33	30	33	3	0	23	29	31	32	27	0	0	30	12
85	Xã Ea Wy	309	35	21	32	13	0	32	31	31	32	24	0	0	26	32
86	Xã Ea H'Leo	172	15	13	9	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15
87	Xã Krông Búk	333	25	39	35	0	0	0	39	39	39	39	0	0	39	39
88	Phường Buôn Ma T	818	87	79	78	49	39	77	76	69	76	70	0	0	60	58

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
89	Phường Ea Kao	252	25	23	25	19	16	20	19	17	18	20	0	0	25	25
90	Xã Xuân Phước	88	8	1	7	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8
91	Xã Xuân Lộc	167	11	2	12	1	5	0	11	12	12	12	9	56	12	12
92	Xã Hòa Xuân	169	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	13	13
93	Phường Bình Kiến	230	3	19	4	23	15	11	5	23	23	22	21	15	23	23
94	Phường Đông Hòa	216	16	2	16	16	16	0	16	16	16	16	56	0	16	14
95	Xã Cư M'gar	289	25	26	26	25	6	26	26	26	25	26	0	0	26	26
96	Xã Krông Nô	147	13	11	13	9	12	13	13	13	13	13	0	0	12	12
97	Xã Vân Hòa	105	11	0	11	8	6	0	10	10	10	10	9	0	9	11
98	Xã Đắk Liêng	413	36	37	38	36	0	38	38	38	38	38	0	0	38	38
99	Phường Tuy Hòa	719	57	7	59	57	56	59	59	53	59	35	101	0	58	59
100	Xã Ea Rốc	256	35	27	32	16	0	29	17	23	15	7	0	0	27	28
101	Xã Ea M'Droh	325	29	29	30	25	3	30	29	30	30	30	0	0	30	30
102	Xã Ea Kar	882	98	98	98	0	0	0	98	98	98	98	0	0	98	98
Tổng cộng		28.278	2.691	2.221	2.622	1.750	733	1.805	2.612	2.588	2.582	2.471	813	212	2.554	2.624
Chia theo các chức danh:			7.534			15.566									5.178	
			Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh									Lực lượng ANTT và DQTV	

**PHỤ LỤC III: DỰ KIẾN SỐ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI HỖ TRỢ LÀM VIỆC TRỰC TIẾP
Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SAU SẮP XẾP**

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
1	Phường Hoà Hiệp	185	14	0	14	13	12	0	14	14	14	14	48	0	14	14
2	Xã Ea Ning	187	17	17	17	17	0	17	17	17	17	17	0	0	17	17
3	Xã Phú Hòa 2	210	15	6	11	14	15	15	15	15	15	15	44	0	15	15
4	Xã Ia Lốp	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12
5	Xã Cư Yang	110	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	0	0	10	10
6	Xã Phú Hoà 1	170	16	14	16	7	14	0	16	16	16	16	7	0	16	16
7	Xã Ea Ly	91	7	7	7	7	7	0	7	7	7	7	7	7	7	7
8	Xã Ea Wer	216	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	18	18
9	Xã Sơn Hoà	187	14	11	14	14	13	14	14	14	14	14	14	9	14	14
10	Xã Đắk Phơi	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9
11	Xã Krông Pắc	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21
12	Xã Hòa Mỹ	120	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	0	10	10
13	Xã Tân Tiến	157	14	14	14	14	3	14	14	14	14	14	0	0	14	14
14	Xã Hòa Thịnh	211	16	5	14	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16
15	Xã Quảng Phú	324	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	0	0	27	27
16	Xã Cư M'ta	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9
17	Xã Suối Trai	98	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
18	Phường Tân Lập	324	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	0	0	27	27
19	Xã Ea Súp	240	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	0	0	20	20
20	Xã Ea Hiao	153	17	17	17	0	0	0	17	17	17	17	0	0	17	17
21	Xã Ea Knốp	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22
22	Xã Xuân Cảnh	123	10	10	10	10	5	0	10	10	10	10	18	0	10	10
23	Xã Ea Drông	144	16	16	16	0	0	16	16	16	0	16	0	0	16	16
24	Xã Ea Bá	77	6	6	6	6	6	0	6	6	6	6	6	5	6	6
25	Xã Vự Bốn	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10
26	Xã Tam Giang	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16
27	Xã Cư Pơng	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
28	Xã Ea Phê	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21	
29	Xã Sơn Thành	183	13	13	13	13	13	0	13	13	13	13	39	1	13	13	
30	Xã Ô Loan	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
31	Xã Đồng Xuân	224	17	17	17	17	17	0	17	17	17	17	37	0	17	17	
32	Xã Tuy An Bắc	192	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	36	0	13	13	
33	Xã Tuy An Tây	117	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	9	9	
34	Xã Tây Hòa	259	21	1	15	10	18	2	17	18	18	16	52	0	21	50	
35	Phường Buôn Hồ	275	25	25	25	25	0	25	25	25	25	25	0	0	25	25	
36	Phường Cư Bao	153	17	17	17	0	0	0	17	17	17	17	0	0	17	17	
37	Xã Ea Tul	209	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	5	17	17	
38	Xã Phú Xuân	216	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
39	Xã Krông Ana	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22	
40	Xã Dray Nhăng	168	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	0	0	14	14	
41	Xã Ea Ô	156	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	0	13	13	
42	Xã Diê Ya	288	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	24	24	
43	Xã Tây Sơn	124	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	33	7	7	7	
44	Xã Cư Pui	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
45	Xã Xuân Thọ	104	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	8	8	
46	Xã Buôn Đôn	88	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	0	0	8	8	
47	Xã Hòa Sơn	220	20	20	20	20	0	20	20	20	20	20	0	0	20	20	
48	Phường Thành Nhà	228	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	0	0	19	19	
49	Xã Krông Bông	130	13	13	13	13	0	0	13	13	13	13	0	0	13	13	
50	Xã Ea Khál	198	18	18	18	18	0	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
51	Xã Tuy An Nam	123	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	13	0	10	10	
52	Phường Tân An	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22	
53	Xã Ea Riêng	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
54	Xã Yang Mao	95	9	9	9	7	7	0	9	9	9	9	0	0	9	9	
55	Xã Liên Sơn Lấp	180	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15	
56	Xã Ea Knuéc	268	24	24	24	24	4	24	24	24	24	24	0	0	24	24	
57	Xã Ea Trang	45	5	5	5	0	0	0	5	5	5	5	0	0	5	5	
58	Phường Sông Cầu	185	16	16	16	13	11	4	16	16	16	16	13	0	16	16	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
59	Xã Ia Rvê	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12
60	Xã Sông Hình	168	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
61	Xã Tuy An Đông	132	12	3	11	12	12	0	10	12	12	12	13	0	11	12
62	Xã Ea Na	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16
63	Xã Krông Á	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9
64	Xã Ea Păl	84	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	7	7
65	Xã Hòa Phú	209	19	19	19	19	0	19	19	19	19	19	0	0	19	19
66	Xã Ea Nuôt	276	25	25	25	25	1	25	25	25	25	25	0	0	25	25
67	Xã Phú Mỹ	126	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9
68	Xã Ea Kiết	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10
69	Phường Phú Yên	282	23	1	22	20	21	0	23	23	23	23	57	0	23	23
70	Phường Xuân Đài	84	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
71	Xã Xuân Lãnh	113	9	9	9	9	9	0	9	9	9	9	9	5	9	9
72	Xã Ea Bung	72	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	6	6
73	Xã Cuôr Đăng	180	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15
74	Xã Ea Drăng	286	26	26	26	26	0	26	26	26	26	26	0	0	26	26
75	Xã Nam Ka	55	5	0	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	5	5
76	Xã Krông Năng	176	16	16	16	0	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16
77	Xã Đức Bình	102	8	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	6	8	8
78	Xã M'Drăk	190	16	16	16	16	16	16	16	16	16	14	0	0	16	16
79	Xã Ea Ktur	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21
80	Xã Ea Kly	240	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	0	0	20	20
81	Xã Cư Prao	96	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8
82	Xã Dục Kmăl	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10
83	Xã Dang Kang	130	13	13	13	13	0	0	13	13	13	13	0	0	13	13
84	Xã Pơng Drang	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12
85	Xã Ea Wy	204	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	17	17
86	Xã Ea H'Leo	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12
87	Xã Krông Búk	144	16	16	16	0	0	0	16	16	16	16	0	0	16	16
88	Phường Buôn Ma T	660	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	0	0	55	55
89	Phường Ea Kao	181	18	17	18	14	12	14	13	13	12	14	0	0	18	18

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp									Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng
90	Xã Xuân Phước	88	8	1	7	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8
91	Xã Xuân Lộc	216	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	60	12	12
92	Xã Hòa Xuân	117	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	9	9
93	Phường Bình Kiến	207	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	15	16
94	Phường Đông Hòa	225	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	45	0	15	15
95	Xã Cư M'gar	190	16	16	16	16	16	15	16	16	15	16	0	0	16	16
96	Xã Krông Nô	84	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	7	7
97	Xã Vân Hòa	89	7	5	7	5	7	4	7	6	6	7	13	2	6	7
98	Xã Đắk Liêng	251	18	18	17	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18
99	Phường Tuy Hòa	585	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	0	45	45
100	Xã Ea Rók	198	18	18	18	18	0	18	18	18	18	18	0	0	18	18
101	Xã Ea M'Droh	204	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	17	17
102	Xã Ea Kar	324	36	36	36	0	0	0	36	36	36	36	0	0	36	36
Tổng cộng		18.563	1.559	1.454	1.543	1.400	1.182	1.239	1.548	1.550	1.532	1.548	689	175	1.556	1.588
Chia theo các chức danh			4.556			10.863									3.144	
			Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh									Lực lượng ANTT và DQTV	